

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2021/HSST

Ngày: 08/12/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Văn Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Ngọc Hồng;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thôi.

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Yên là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Ông Lại Đức Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 89/2021/TLST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2021/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2021, đối với bị cáo:

Lê Hồng N, sinh năm 1958 tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố C, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Thợ mộc; Trình độ văn hóa: 06/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Lê Văn M (đã chết) và bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1928; Vợ: Nguyễn Trần N1, sinh năm 1949; Con: Chưa có;

Tiền sự: Không;

Tiền án: Bản án số 114/2018/HSST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

Nhân thân:

+ Ngày 19/5/1982 bị Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ra quyết định cưỡng bức lao động 02 năm về hành vi “Trộm cắp”;

+ Ngày 16/5/1984 bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Tre (nay là thành phố Bến Tre), tỉnh Bến Tre xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản riêng của công dân”;

+ Ngày 05/11/1987 bị Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ra quyết định cưỡng bức lao động tập trung thời hạn 02 năm về hành vi “Trộm cắp tài sản”;

+ Ngày 09/10/1989 bị Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ra quyết định cải tạo tại chỗ thời hạn 03 năm do có hành vi nguy hại cho xã hội;

+ Ngày 25/01/2002 bị Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục thời hạn 12 tháng về hành vi “Trộm cắp và gây rối trật tự công cộng”;

+ Ngày 17/9/2003 bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Tre (nay là thành phố Bến Tre), tỉnh Bến Tre xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong bản án 02/12/2004);

+ Ngày 03/3/2017 bị Công an phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản” (chưa nộp phạt);

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/9/2021 cho đến nay. (Có mặt)

** Bị hại:*

Ông Lê Hoàng S, sinh năm 1994;

Nơi cư trú: Ấp A, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

** Người làm chứng:*

Ông Phan Trung H1, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Ấp A, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 30 ngày 12/9/2021, bị cáo Lê Hồng N điều khiển xe đạp từ nhà ở khu phố C, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre lên ấp A, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Khi đến trước nhà thuộc ấp A, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, bị cáo N phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu trắng- bạc- đen, biển số 71B2-50160 (bên trong cốp xe có 01 bóp da có 400.000 đồng, 01 giấy phép lái xe, 01 giấy đăng kí xe mô tô và 01 chứng minh nhân dân đều mang tên Lê Hoàng S) của ông Lê Hoàng S đang dựng ngoài đường trước cửa nhà, trên xe còn gắn chìa khoá và không có ai trông coi nên bị cáo N nảy sinh ý định lấy trộm. Để thực hiện ý định, bị cáo N dừng xe đạp lại, bỏ xe đạp gần vị trí xe mô tô rồi đến lấy xe mô tô biển số 71B2-50160 của ông S chạy đi, nhưng khi bị cáo N chạy được khoảng 100m thì bị người dân bắt, giữ sau đó báo Công an xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đến lập biên bản sự việc và thu giữ vật chứng.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 xe mô tô biển số 71B2-50160, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu trắng-bạc-đen, số khung RLHHC1219DY609746, số máy HC12E5609855.

- 01 bóp da màu đen hiệu Pedro.

- Tiền Việt Nam 400.000 đồng.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Lê Hoàng S.

- 01 giấy Chứng minh nhân dân mang tên Lê Hoàng S.

- 01 giấy phép lái xe mang tên Lê Hoàng S.

- 01 xe đạp màu bạc nhãn hiệu Chinhuan.

Theo Bản Kết luận định giá trị tài sản số 746/KL-HĐĐG ngày 13/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Bến Tre kết luận:

- Xe mô tô biển số 71B2-50160, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu trắng-bạc-đen, số khung RLHHC1219DY609746, số máy HC12E5609855 (đã qua sử dụng, có nhiều vết trầy xước), trị giá tài sản vào ngày 12/9/2021 là 10.800.000 đồng.

- 01 cái bóp tiền màu đen, nhãn hiệu Pedro (đã qua sử dụng), trị giá tài sản vào ngày 12/9/2021 là 10.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số: 87/CT-VKSTPBT ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị:

- Về tội danh và hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm s, h khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo N từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt bổ sung: không áp dụng do bị cáo N không có thu nhập ổn định.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

+ Ghi nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã trao trả cho bị hại S 01 xe mô tô biển số 71B2-50160; 01 bóp da màu đen hiệu Pedro; số tiền 400.000 đồng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Lê Hoàng S. Hiện bị hại S không yêu cầu gì thêm.

+ Trả cho bị cáo N 01 xe đạp màu bạc nhãn hiệu Chinhuan, yên xe màu đen và rổ xe màu xám, do không liên quan đến vụ án.

Bị cáo N khai nhận vào khoảng 09 giờ 30 ngày 12/9/2021, bị cáo điều khiển xe đạp từ nhà ở khu phố C, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre lên ấp A, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Khi đến trước nhà thuộc ấp A, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, bị cáo phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu trắng-bạc-đen, biển số 71B2-50160 (bên trong cốp xe có 01 bóp da có 400.000 đồng, 01 giấy phép lái xe, 01 giấy đăng ký xe mô tô và 01 chứng minh nhân dân đều mang tên Lê Hoàng S) của ông S đang dựng ngoài đường trước cửa nhà, trên xe còn gắn chìa khoá và không có ai trông coi nên bị cáo dừng xe đạp lại, bỏ xe đạp gần vị trí xe mô tô rồi đến lấy xe mô tô biển số 71B2-50160 của ông S chạy đi, nhưng khi bị cáo chạy được khoảng 100m thì bị người dân bắt, giữ sau đó báo Công an xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đến lập biên bản sự việc và thu giữ vật chứng. Bị cáo đồng ý với kết quả định giá tài sản; không khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Người làm chứng Phan Trung H1 trình bày: Ngày 12/9/2021, ông được thông tin bị hại bị mất xe mô tô biển số 71B2-50160, ông có tham gia tìm và phát hiện bị cáo N

đang dẫn xe tàu thoát, ông bắt giữ bị cáo và báo cho Công an xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tiến hành làm việc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Việc vắng mặt của bị hại, bị cáo N không có ý kiến, Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt những người này. Xét thấy việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này là phù hợp theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo N tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác; phù hợp với tang vật thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định: Xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, vào ngày 12/9/2021, tại ấp A, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, bị cáo N đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của ông S 01 xe mô tô biển số 71B2-50160 có giá trị 10.800.000 đồng, 01 bóp da có giá trị 10.000 đồng, và số tiền 400.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo N chiếm đoạt của bị hại S là 11.210.000 đồng.

[3] Bị cáo N là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận biết được hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng xuất phát từ động cơ vụ lợi bị cáo đã cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại có giá trị 11.210.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo N về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Bị cáo N phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng chủ sở hữu tài sản vắng mặt để thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn bị cáo thực hiện tội phạm, gây tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, sinh hoạt hằng ngày.

[5] Về nhân thân; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân, bị cáo N có nhân thân xấu, bị cáo đã bị cưỡng bức lao động về hành vi “Trộm cắp tài sản”, bị cải tạo tại chỗ do có hành vi nguy hại cho xã hội, bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục về hành vi “Trộm cắp và gây rối trật tự công cộng”, bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”; nhiều lần bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo N được hưởng là thành khẩn khai báo và phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn theo quy định tại các điểm s, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo N bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo N không có thu nhập ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Ghi nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã trao trả cho bị hại S 01 xe mô tô biển số 71B2-50160; 01 bóp da màu đen hiệu Pedro; số tiền 400.000 đồng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Lê Hoàng S.

- Trả cho bị cáo N 01 xe đạp màu bạc nhãn hiệu Chinhuan, yên xe màu đen và rô xe màu xám, do không liên quan đến vụ án.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận bị hại S đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là 01 xe mô tô biển số 71B2-50160; 01 bóp da màu đen hiệu Pedro; số tiền 400.000 đồng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Lê Hoàng S. Hiện bị hại S không yêu cầu gì thêm.

[9] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh; điều luật áp dụng; các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo phù hợp với quy định pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo N phải nộp theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Hồng N phạm tội “Trộm cắp tài sản”

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm s, h khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Hồng N 02 (hai) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 12/9/2021.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Trả cho bị cáo Lê Hồng N 01 (một) xe đạp màu bạc, nhãn hiệu Chinhuan, yên xe màu đen và rô xe màu xám.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 02/12/2021, hiện Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre đang quản lý)

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Lê Hồng N phải nộp là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND Phường PK, TP BT, tỉnh Bến Tre (1b);
- Bị cáo, bị hại (2b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Ngô Văn Trình